TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 119/2024/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 15 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Lò Văn L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Tòng Thị T, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: Bản T, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lò Văn L và chị Tòng Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lò Văn L và chị Tòng Thị T.

b. Về con chung: Anh Lò Văn L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Bảo H2, sinh ngày 14/02/2016 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao

động). Chị Tòng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Thị Yến C, sinh ngày 08/3/2011 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận anh L và chị T không thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị T và anh L được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Anh L và chị T đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

d. Về án phí: Anh Lò Văn L chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 75.000VNĐ (Bảy mươi năm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002032 ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được trả lại 225.000VNĐ (Hai trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Chị Tòng Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 75.000VNĐ (Bảy mươi năm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã M, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân